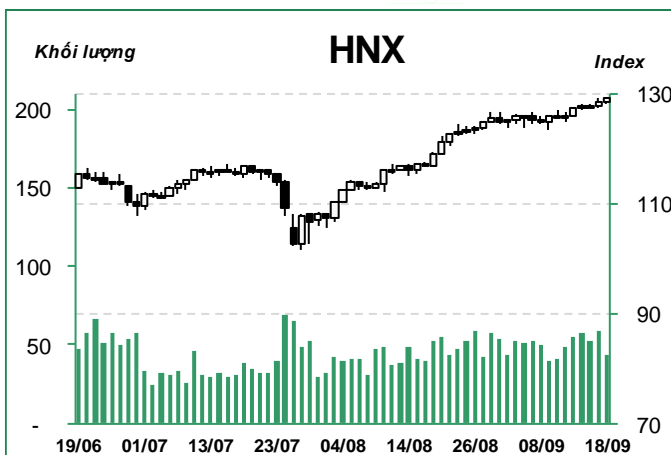
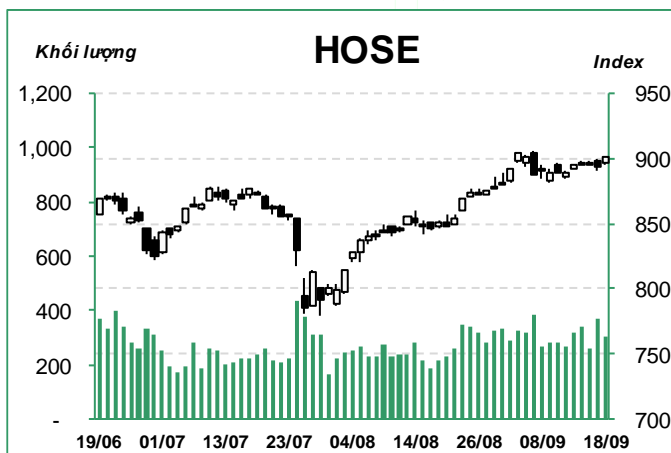


Tổng quan thị trường

18/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	900.95	0.77%	841.26	1.13%	129.20	0.57%
Cuối tuần trước	888.97	1.35%	825.56	1.90%	126.21	2.37%
Trung bình 20 ngày	890.28	1.20%	827.09	1.71%	126.25	2.34%
Tổng KLGD (triệu cp)	361.84	-8.50%	114.64	6.41%	44.24	-28.06%
KLGD khớp lệnh	303.73	-18.16%	94.17	-2.52%	43.22	-25.96%
Trung bình 20 ngày	310.07	-2.05%	86.08	9.40%	50.62	-14.62%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	6,661.62	1.79%	3,095.64	6.24%	490.68	-36.32%
GTGD khớp lệnh	5,210.50	-11.42%	2,513.84	-1.84%	470.13	-33.07%
Trung bình 20 ngày	5,352.02	-2.64%	2,467.76	1.87%	575.54	-18.32%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	245	53%	25	83%	75	21%
Số mã giảm	148	32%	1	3%	74	21%
Số mã đứng giá	70	15%	4	13%	207	58%



Thị trường đồng loạt bứt phá trong phiên giao dịch ngày thứ 6 nhờ lực cầu quay trở lại ở nhiều cổ phiếu trụ. Mặc dù phiên ATC xuất hiện giao dịch lớn của khối ngoại do 2 quỹ FTSE ETF và V.N.M ETF cơ cấu danh mục định kỳ, đà tăng của các chỉ số vẫn được duy trì cho đến hết phiên.

Chốt phiên, VN-Index tăng 0.77% và đóng cửa sát mốc 900 điểm. Thanh khoản sụt giảm so với phiên hôm qua với KLGD khớp lệnh đạt 303.7 triệu cổ phiếu (-18.2%), tương đương 5,211 tỷ đồng giá trị (-11.4%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với 245 mã tăng so với 148 mã giảm.

Sắc xanh hôm nay có sự lan tỏa đến nhiều nhóm ngành. Trong đó, nhóm ngân hàng nổi bật nhất với nhiều cổ phiếu trụ cột tăng điểm như BIDV-BID (+1.2%), Vietinbank-CTG (+2.0%), Techcombank-TCB (+2.3%) hay MBBank-MBB (+3.6%). Ngoài ra, Vinamilk-VNM (+1.5%), PV Gas-GAS (+1.1%), Hòa Phát-HPG (+1.2%) cũng tích cực không kém. Bên cạnh đó, một cổ phiếu khác cũng đáng chú ý là Trường Thành Group-TTA khi cổ phiếu này tăng trần 20% ngay trong ngày đầu lên sàn HoSE với giá trị giao dịch khá lớn xấp xỉ 120 tỷ. Ở chiều ngược lại, Thiết bị điện Việt Nam-GEX (-1.2%), Becamex IDC-BCM (-0.2%), Điện lực Nhơn Trạch 2-NT2 (-1.5%), Dầu Tường An-TAC (-5.4%) là những cổ phiếu giảm điểm nhưng áp lực không quá đáng kể.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HoSE, đạt giá trị 107.2 tỷ đồng (-28.6%). Trong đó, những cổ phiếu bị khối ngoại bán ra nhiều nhất là Vinhomes-VHM (-67.4 tỷ), PV Power-POW (-38.1 tỷ) và BIDV-BID (-28.5 tỷ). Trái lại, Hòa Phát-HPG (+76.1 tỷ), Petrolimex-PLX (+75.4 tỷ), Vincom Retail-VRE (+26.6 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến tăng tương tự khi đóng cửa tại mức 129.20 điểm (+0.57%). KLGD khớp lệnh

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VGC	29,351.6	673.86
TCB	14,429.2	303.60
PLX	1,500.0	75.96
SAB	306.5	57.88
VND	2,300.0	29.21
KDH	1,000.0	24.20
NVL	380.0	23.37
VRE	800.0	22.68
VNM	136.0	17.10
BID	350.0	14.27
HNX		
TAR	798.7	15.97
VCG	100.0	3.58
BCC	100.0	0.73
SJE	13.5	0.24
L14	0.3	0.01

đạt 43.2 triệu cổ phiếu (-26.0%), tương đương 470.1 tỷ đồng giá trị (-33.1%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.9%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%) và Vicostone-VCS (+1.2%) là những trụ cột kéo điểm chính cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, Khách sạn Đại Dương-OCH (-10.0%), Vinaconex-VCG (-0.8%), Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-1.2%) giảm điểm tiêu cực nhất.

Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 9.6 tỷ đồng (-58.0%). Với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-6.7 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.3 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-1.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trong khi đó, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.6 tỷ), PT Nhà và Đô thị Nam HN-NHA (+0.1 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+0.1 tỷ) được khối ngoại tập trung mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên cho thấy áp lực bán từ phiên cơ cấu của hai quỹ ETF cũng không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số nằm trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 đang ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn đang tiếp diễn. Chỉ số có thể có cơ hội vượt qua vùng kháng cự 905 điểm (đỉnh cũ tháng 6/2020) và hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự mục tiêu 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn, ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 134.4 (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường vẫn đang trong xu hướng phục hồi tích cực và hướng lên các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, thu hút được dòng tiền mạnh và có dự báo kết quả kinh doanh quý 3 tăng trưởng khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTA	21.6	5,484.5	20.0%
TDG	2.3	863.9	6.9%
TNC	26.5	50.8	6.9%
PTC	9.1	0.3	6.8%
EMC	16.5	0.1	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTT	9.6	0.0	-6.8%
VAF	10.4	0.0	-6.8%
HU3	7.3	6.2	-6.7%
SVT	13.6	1.4	-6.6%
MHC	6.8	1,221.9	-6.4%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.7	319.2	1.2%
MBB	18.8	218.1	3.6%
GEX	24.1	202.3	-1.2%
FPT	51.2	168.6	2.4%
HSG	14.2	162.8	5.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITA	4.6	14,189.3	0.2%
HPG	25.7	12,475.7	1.2%
HSG	14.2	11,800.1	5.6%
MBB	18.8	11,784.5	3.6%
STB	11.7	8,721.3	1.8%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BKC	5.5	0.5	10.0%
VE3	6.7	11.7	9.8%
CVN	17.0	388.2	9.7%
SD2	6.8	161.2	9.7%
SVN	2.3	88.0	9.5%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HKB	0.7	396.8	-12.5%
ACM	0.8	588.5	-11.1%
VIG	0.9	232.1	-10.0%
OCH	8.1	9.6	-10.0%
DNM	56.6	45.7	-9.9%

Top 5 giá trị

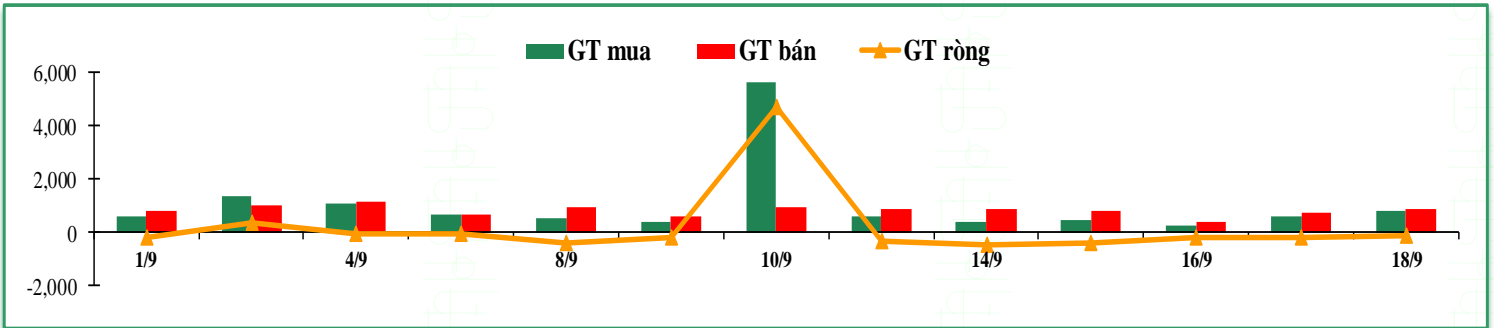
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.7	70.8	0.9%
SHB	14.5	38.4	0.7%
PVS	12.9	37.2	0.8%
SHS	11.9	32.4	0.9%
NVB	8.8	25.5	2.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CEO	7.3	3,468.9	2.8%
ACB	21.7	3,280.7	0.9%
NVB	8.8	2,942.6	2.3%
PVS	12.9	2,904.2	0.8%
SHS	11.9	2,720.3	0.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	782.3	15.0%	889.5	17.1%	-107.2
HNX	3.5	0.7%	13.1	2.8%	-9.6
Tổng số	785.8		902.6		-116.8



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.7	110.1	1.2%
VIC	94.0	97.1	0.0%
VRE	28.5	79.2	0.7%
PLX	50.4	75.7	0.8%
VNM	126.4	72.5	1.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	76.9	90.8	0.3%
VIC	94.0	86.1	0.0%
VNM	126.4	74.5	1.5%
SAB	188.8	62.6	0.3%
VCB	82.9	54.5	0.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.7	76.1	1.2%
PLX	50.4	75.4	0.8%
VRE	28.5	26.6	0.7%
HCM	20.7	13.9	2.0%
VIC	94.0	11.0	0.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.9	2.6	0.9%
AMV	17.7	0.2	0.0%
NHA	12.2	0.1	0.0%
BVS	11.1	0.1	0.0%
WCS	196.6	0.1	-1.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	14.5	6.7	0.7%
DXP	12.8	1.3	7.6%
PVS	12.9	1.2	0.8%
PGS	15.1	0.8	9.4%
PSD	10.2	0.6	-2.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.9	2.6	0.9%
NHA	12.2	0.1	0.0%
WCS	196.6	0.1	-1.2%
BAX	47.1	0.1	0.2%
QNC	7.8	0.0	1.3%

Tin trong nước

Chính phủ dự kiến tăng trưởng GDP 2021 đạt 6-6,5%

Văn phòng Chính phủ ngày 17/9 thông báo Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 8. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch & Đầu tư tiếp tục rà soát, hoàn thiện kịch bản tăng trưởng và phương án điều hành những tháng cuối năm 2020, kế hoạch năm 2021. Trong đó, dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP năm sau khoảng 6-6,5%.

Trước đó, báo cáo của Bộ Kế hoạch & Đầu tư tại phiên họp Chính phủ đầu tháng này, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng dự báo kinh tế Việt Nam vẫn đứng trước nhiều thách thức trong năm sau. Covid-19 trên thế giới tuy có dấu hiệu dịu lại nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường và khả năng cao sẽ kéo dài cả năm 2021.

Triển vọng kinh tế toàn cầu rất khó khăn, các nước đối tác lớn suy thoái, khả năng phục hồi trở lại trạng thái trước khi Covid-19 xảy ra sẽ cần thời gian khoảng 2-4 năm tùy thuộc mức độ tác động. Dù vậy, lãnh đạo Bộ Kế hoạch & Đầu tư vẫn đưa ra dự báo GDP năm 2021 đạt khoảng 6,7%.

Cổ đông Nhật Bản mua 13 triệu cổ phiếu Petrolimex thông qua khớp lệnh

ENEOS Corporation (Nhật Bản) đã mua xong 13 triệu cổ phiếu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, HoSE: PLX) trong thời gian 27/8-14/9. Giao dịch được thực hiện bằng phương thức khớp lệnh trên sàn chứng khoán.

Tổ chức có liên quan tại Petrolimex là Công ty TNHH Tư vấn và Holdings JX Nippon Oil & Energy Việt Nam. Đây là một trong các đơn vị thành viên của ENEOS Corporation và nắm giữ 8% số cổ phần đang lưu hành của Petrolimex. Người nội bộ của nhóm này là Thành viên HĐQT Toshiya Nakahara, không sở hữu cổ phần Petrolimex. Như vậy, tổng lượng sở hữu của nhóm nhà đầu tư Nhật Bản hiện hơn 116,5 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 9% vốn Petrolimex.

NHNN chấp thuận cho VIB tăng vốn điều lệ lên hơn 11.000 tỷ đồng

VIB được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ từ 9.244 tỷ đồng lên 11.093 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) vừa thông báo cho biết đã nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận việc VIB tăng vốn điều lệ từ 9.244 tỷ đồng lên 11.093 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIB bằng việc chia cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 20% cho cổ đông hiện hữu.

VIB cũng đã nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HoSE). Theo đó, dự kiến ngân hàng sẽ niêm yết hơn 924 triệu cổ phiếu VIB trên sàn HoSE. Hiện cổ phiếu VIB đang được giao dịch trên sàn UPCoM với giá 25.000 đồng/cp (ngày 18/9).

Tin doanh nghiệp niêm yết

Gelex nâng giá chào mua lần 2 cổ phiếu Viglacera, lên 23.500 đồng/cp

Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng giám đốc Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam (Gelex, HoSE: GEX) vừa ký quyết định tăng giá chào mua công khai lần 2 cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera (HoSE: VGC) lên mức 23.500 đồng/cp. Việc tăng giá được áp dụng đối với tất cả các cổ đông Viglacera, kể cả các cổ đông đã đăng ký bán cổ phiếu cho Gelex.

Trước đó, Gelex đã thông báo chào mua công khai 95 triệu cổ phiếu với giá 17.700 đồng/cp trong thời gian 26/8 đến 25/9. Tuy nhiên đến ngày 11/9, CEO Nguyễn Văn Tuấn đã quyết định nâng giá chào mua lên 21.500 đồng/cp và đến 18/9 được nâng tiếp lên 23.500 đồng/cp.

Như vậy với giá mới, tạm tính số tiền Gelex chi ra khoảng 2.233 tỷ đồng. Mức giá này cao hơn 33% so với giá chào mua ban đầu. Trong khi đó, cổ phiếu VGC cũng đang giao dịch lên vùng thị giá 23.500 đồng/cp.

Hiện nay Gelex cùng các đơn vị thành viên đang sở hữu tổng cộng gần 112 triệu cổ phiếu, tương đương 24,96% vốn Viglacera. Nếu mua được toàn bộ, nhóm cổ đông này có thể nắm giữ gần 207 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 46,15% vốn. Bộ Xây dựng vẫn là cổ đông lớn nhất nắm giữ 38% vốn và đang có kế hoạch thoái vốn khỏi Viglacera trong năm 2020.

Vinam sẽ trả cổ tức 60% trước phương án phát hành riêng lẻ

Hội đồng quản trị CTCP Vinam (HNX: CVN) vừa ra quyết định sẽ thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 60% (40% bằng cổ phiếu và 20% bằng tiền) để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu. Phương án chi trả cổ tức sẽ được thực hiện trước đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Năm 2019, Vinam ghi nhận tăng trưởng cao trong kinh doanh khi doanh thu tăng 255% lên 212 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 126% đạt gần 47 tỷ đồng. Với kết quả đó, cổ đông đã thống nhất mức trả cổ tức bằng cổ phiếu 40% và tiền mặt 20%.

Với 8,25 triệu cổ phiếu đang lưu hành, dự kiến công ty sẽ trích 16,5 tỷ đồng để trả tiền mặt và phát hành 3,3 triệu cổ phiếu trả cổ tức.

Hồi giữa tháng 8, Vinam đã công bố thông tin triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Theo đó công ty dự kiến phát hành 8,25 triệu cổ phiếu cho 4 nhà đầu tư, tỷ lệ 100%. Giá phát hành dựa trên cơ sở đàm phán với nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

Sonadezi chi thêm 188 tỷ đồng trả cổ tức đợt cuối 2019

Tổng CTCP Phát triển khu Công nghiệp (Sonadezi, UPCoM: SNZ) thông báo chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức còn lại năm 2019 với tỷ lệ 5% (1 cổ phiếu được nhận 500 đồng). Với 376,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Sonadezi dự kiến chi hơn 188 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 9/10 và thời gian thanh toán dự kiến vào 28/10.

Năm ngoái, Sonadezi ghi nhận doanh thu tăng 15% lên 4.961 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 36% lên gần 656 tỷ đồng. Mức cổ tức cho năm 2019 được thông qua là 9% bằng tiền, trong đó doanh nghiệp đã tạm ứng 4% vào cuối năm 2019.

Sang năm 2020, Sonadezi đề ra mục tiêu tổng doanh thu 4.584 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế kế hoạch là gần 915 tỷ đồng, giảm 21% so với năm trước. Kế hoạch cổ tức năm 2020 dự kiến là 10%, tương ứng với giá trị hơn 376 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VNM	Mua	21/09/20	126.4	126.4	0.0%	137	8.4%	123.9	-2.0%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TCB	Quan sát mua	21/09/20	21.8	24	Phiên tăng thoát nền tích lũy + vol tăng cao hai phiên gần đây -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 21.6-21.7
2	NVL	Quan sát mua	21/09/20	63.9	68-69 73.5-74	Tín hiệu tích lũy tích cực trên MA50 sau khi vượt lên lại + MACD vẫn đang tăng tốt trên Signal -> cân phiên break nền vượt 64.5 sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng trung hạn
3	VCS	Quan sát mua	21/09/20	67.3	73.5-75.5	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ quanh 66 tích cực với vol giảm dần + mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
4	DPG	Quan sát mua	21/09/20	25.6	29	Nhịp tích lũy bên dưới MA200 tích cực với vol giảm thấp dần -> khả năng sớm có phiên break
5	CTI	Quan sát mua	21/09/20	14.6	17-17.5	Nhịp điều chỉnh tích cực với nền và vol nhỏ dần + MACD về gần Signal -> khả năng sớm tăng trở lại khi về gần hỗ trợ 14-14.5

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.65	33.45	21.5%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	PPC	Mua	14/09/20	23.95	24.3	-1.4%	26	7.0%	23.5	-3%	
3	IMP	Mua	15/09/20	49.15	48.15	2.1%	54.4	13%	47.2	-2%	
4	LIX	Mua	16/09/20	58.1	56.8	2.3%	60.9	7%	54.9	-3%	
5	MWG	Mua	17/09/20	94.5	94.6	-0.1%	105	11%	90	-5%	

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 18/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,190	-0.8 %	-23%	234	89	73,300	107	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	12,160	10.6 %	67%	4,268	52	51,200	1,723	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,960	5.4 %	31%	3,448	41	51,200	1,631	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,820	8.3 %	8%	10,888	35	51,200	1,565	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,600	8.8 %	7%	13,755	118	51,200	846	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	690	4.6 %	-36%	2,462	17	29,750	615	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,600	0 %	19%	4,953	20	29,750	2,545	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	12,230	6.3 %	482%	10,000	13	25,700	6,720	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2008	4,100	4,560	6.3 %	11%	2,953	73	25,700	112	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,530	4.1 %	183%	6,852	41	25,700	1,638	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	6,450	8.2 %	6%	4,426	122	25,700	947	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,970	5.3 %	16%	3,425	74	25,700	1,974	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,550	3.9 %	5%	5,842	213	25,700	1,921	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,950	6.1 %	4%	1,742	164	25,700	1,395	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	2,950	5.4 %	34%	2,387	118	25,700	283	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CMBB2003	2,000	1,670	22.8 %	-17%	8,322	52	18,750	890	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	440	12.8 %	-78%	1,357	38	18,750	6	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,340	21.8 %	22%	64,888	41	18,750	1,153	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,540	13.2 %	10%	54,919	118	18,750	1,020	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	430	-4.4 %	-81%	7,957	89	54,200	2	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	550	1.9 %	-74%	16,729	41	54,200	0	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,180	-2.5 %	-38%	5,485	118	54,200	323	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	1,270	-3.1 %	-17%	12,449	80	54,200	469	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2005	2,500	2,630	-4.7 %	5%	31	13	94,500	1,302	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	260	4.0 %	-87%	449	38	94,500	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,830	-2.3 %	-8%	2,171	73	94,500	8,344	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,200	20.0 %	-8%	9,036	39	94,500	978	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,730	0 %	8%	14,708	35	94,500	1,592	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,830	1.7 %	31%	3,230	118	94,500	1,373	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,800	-9.1 %	-22%	3	89	63,900	135	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,530	2.0 %	27%	254	173	63,900	1,074	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	300	30.4 %	-88%	9,411	13	60,400	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	120	0 %	-94%	436	38	60,400	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	450	-10.0 %	-55%	15,175	41	60,400	122	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	850	2.4 %	-15%	1,993	118	60,400	363	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,070	1.5 %	24%	17,499	63	60,400	1,537	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CREE2003	1,000	2,090	0 %	109%	2,610	41	40,300	2,080	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,600	5.3 %	129%	565	35	40,300	3,629	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,340	1.3 %	80%	18	118	40,300	2,031	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	-6.3 %	-85%	16,244	89	2,160	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	240	9.1 %	-92%	2,169	89	14,250	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,100	-7.6 %	-35%	20,094	89	11,650	334	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	1,300	4.0 %	-7%	21,869	73	11,650	798	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	420	5.0 %	-61%	13,349	46	11,650	78	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	810	6.6 %	-46%	1,307	199	11,650	258	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	1,950	1.6 %	30%	23,353	63	11,650	1,506	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CTCB2003	2,000	250	0 %	-88%	2,229	38	21,800	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,700	6.9 %	-43%	5,515	73	21,800	538	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,020	6.3 %	68%	7,295	41	21,800	1,931	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,740	8.1 %	2%	4,749	118	21,800	1,108	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	900	0 %	-71%	1,087	89	76,900	3	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	5,990	0.5 %	-48%	1,846	73	76,900	2,236	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,030	3.0 %	3%	18,324	41	76,900	714	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	100	-16.7 %	-93%	11,491	17	76,900	(0)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	910	2.3 %	-35%	7,620	118	76,900	273	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	160	0 %	-93%	400	89	106,000	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	390	-7.1 %	-79%	2,808	41	106,000	0	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	80	14.3 %	-95%	8,785	17	106,000	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	15,350	3.6 %	-12%	2,219	73	126,400	9,423	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,620	5.2 %	75%	3,716	41	126,400	2,375	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	310	6.9 %	-80%	14,536	17	126,400	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,510	5.6 %	-37%	190	173	126,400	307	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,120	4.4 %	18%	7,377	118	126,400	1,410	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,340	4.0 %	29%	32,317	80	126,400	2,011	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2006	3,400	1,500	2.0 %	-56%	8,848	73	23,250	452	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	980	6.5 %	-42%	25,844	41	23,250	467	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,700	4.3 %	-6%	1,232	118	23,250	995	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	2,100	5.5 %	29%	4,462	63	23,250	1,581	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	360	-7.7 %	-88%	30,126	89	28,500	0	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,600	0 %	-35%	5,086	73	28,500	1,218	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,480	2.1 %	35%	8,360	41	28,500	1,395	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	610	-1.6 %	-60%	9,270	199	28,500	185	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,250	2.5 %	4%	3,334	118	28,500	781	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
CTD (New)	HOSE	73,300	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
DBD (New)	HOSE	45,000	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
VCB (New)	HOSE	82,900	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
AST (New)	HOSE	50,900	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
PHR (New)	HOSE	57,900	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
VRE	HOSE	28,500	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
POW	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
MWG	HOSE	94,500	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
NVL	HOSE	63,900	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
NT2	HOSE	23,500	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
SCS	HOSE	125,000	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
MSN	HOSE	54,200	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
HPG	HOSE	25,700	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
DHG	HOSE	105,600	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
VTP	UPCOM	103,500	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VPB	HOSE	23,250	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
BMP	HOSE	61,000	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
MSH	HOSE	31,650	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
PNJ	HOSE	60,400	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
CTR	UPCOM	42,400	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.